

NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Vũ Minh Hiếu^{1,2,+},
Tạ Thị Thu Hiền^{1,2}

¹Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;

²Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

+Tác giả liên hệ • Email: vmhie0985@gmail.com

Article history

Received: 03/9/2025

Accepted: 02/10/2025

Published: 20/11/2025

Keywords

Accreditors, higher
education, competencies,
competency framework,
accreditation

ABSTRACT

To assess and accredit the quality of educational institutions or training programs, the capacity of accreditors must be prioritized, requiring professional knowledge, leadership, management, communication and data analysis skills, as well as commitment to professional ethics to ensure fair, objective and effective quality assessment. In Vietnam, with the emergence of independent quality accreditation organizations, there have been legal documents regulating higher education accreditors. Still, the accreditor's competencies have not been fully established and standardized so as to ensure fairness and value for accreditation activities. The study uses qualitative research methods through analyzing documents on competency frameworks for accreditors of prestigious higher education quality accreditation organizations in the world, comparing with the implementation practices in Vietnam, thereby proposing the necessary competencies for higher education accreditors in Vietnam. Ultimately, the paper aims to develop an accreditor competency framework, establish assessment criteria for recruiting accreditors, and improve the quality of higher education quality accreditation in Vietnam.

1. Mở đầu

Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) là cơ chế đảm bảo chất lượng bên ngoài quan trọng giúp cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) đảm bảo chất lượng, nâng cao trách nhiệm giải trình, khẳng định vị thế và uy tín. Để triển khai hệ thống KĐCLGD, các nước phát triển đã đặt ra những yêu cầu cao về năng lực của tổ chức KĐCLGD, kiểm định viên và đánh giá viên (sau đây gọi chung là KĐV) trong hoạt động KĐCLGD. Tight (2013) đã nhận định, KĐV cần được đánh giá dựa trên một số tiêu chí như năng lực phân tích dữ liệu, kỹ năng giao tiếp và hiểu biết sâu rộng về hệ thống giáo dục,... để đảm bảo kết quả KĐCLGD đáng tin cậy. Manarbek và cộng sự (2018) cho rằng, năng lực của KĐV được định hình bởi kiến thức chuyên môn, thái độ và kỹ năng thực hành, mà những yếu tố này đều cần được chú trọng phát triển nhằm nâng cao tính khách quan và độ tin cậy của các kết quả đánh giá, phản ánh đúng chất lượng của cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo, cung cấp thông tin tin cậy để người học lựa chọn vào học ở cơ sở GDĐH/chương trình đào tạo.

Tại Việt Nam, hệ thống KĐCLGD đại học đang trong quá trình xây dựng và phát triển với sự ra đời của 08 tổ chức KĐCLGD đại học trong nước và 11 tổ chức KĐCLGD nước ngoài được Bộ GD-ĐT công nhận hoạt động. Các văn bản pháp lý quy định về quy trình, chu kỳ, tiêu chuẩn KĐCLGD, quy định về KĐV trong GDĐH đã được Bộ GD-ĐT ban hành. Từ năm 2013 đến nay, quá trình triển khai hoạt động của các tổ chức KĐCLGD ở Việt Nam cho thấy năng lực của đội ngũ KĐV có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động KĐCLGD. Bộ GD-ĐT đã ban hành Thông tư số 18/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT trong đó quy định về KĐV GDĐH. Các KĐV cần đáp ứng các tiêu chuẩn KĐV khi tham gia các hoạt động KĐCLGD theo các mức độ và yêu cầu khác nhau đối với đánh giá chất lượng cơ sở GDĐH hoặc chương trình đào tạo (Bộ GD-ĐT, 2013, 2022). Thực tiễn triển khai các hoạt động KĐCLGD cho thấy, cần có khung năng lực cùng với tiêu chuẩn năng lực của KĐV, các tổ chức KĐCLGD căn cứ để lựa chọn, đánh giá và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho KĐV, góp phần đảm bảo chất lượng đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục.

Bài báo so sánh, phân tích các khung năng lực và tiêu chuẩn đối với KĐV của các tổ chức KĐCLGD trong nước và quốc tế, từ đó tổng hợp và đề xuất các năng lực theo từng nhóm năng lực về các khía cạnh kiến thức, kỹ năng và thái độ nhằm xác định các yêu cầu năng lực của KĐV GDĐH phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Nghiên cứu cũng

phân tích các yêu cầu về tiêu chuẩn KĐV những yêu cầu về chuẩn đầu ra trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ KĐV của Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc phân tích tài liệu và các khung năng lực/yêu cầu về năng lực của KĐV từ các tổ chức đánh giá và KĐCLGD uy tín trên thế giới. Các bước tiến hành nghiên cứu được thực hiện gồm thu thập, sàng lọc, phân tích tài liệu, đảm bảo tính chính xác và toàn diện của dữ liệu thu thập. Bên cạnh việc nghiên cứu và phân tích các tài liệu học thuật trong nước và quốc tế từ cơ sở dữ liệu trực tuyến như Scopus, Web of Science và Google Scholar với các từ khóa tra cứu như “competencies of accreditors/assessor”, “accreditors/assessor competencies in higher education”, “quality assurance”, “accreditation”, “quality assurance evaluators/assessors”, “accreditation assessors”...; các tài liệu từ các tổ chức KĐCLGD và đảm bảo chất lượng quốc tế như Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (ASEAN University Network - Quality Assurance - AUN-QA), Hiệp hội đảm bảo chất lượng GĐDH châu Âu (European Association of Quality Assurance Agencies - ENQA), Mạng lưới các Tổ chức Đảm bảo chất lượng GĐDH quốc tế (International Network for Quality Assurance Agencies in Higher Education - INQAAHE), Viện Đánh giá chất lượng giáo dục (Chartered Institute of Educational Assessors - CIEA),... cũng được nghiên cứu thu thập và phân tích. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tiến hành rà soát và phân tích các văn bản pháp lý của Việt Nam liên quan đến KĐCLGD như Luật Giáo dục, Luật GĐDH, Nghị định của Chính phủ. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở lý luận về tiêu chí xét chọn, tuyển dụng và đánh giá KĐV, qua đó hướng tới xây dựng đội ngũ KĐV chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng KĐCLGD và thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ thống KĐCLGD ở Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KĐCLGD.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

- *KĐCLGD*: Trong GĐDH, hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục có cấu phần gồm hai phần chính: hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài cơ sở GĐDH. KĐCLGD là một trong những cơ chế bảo đảm chất lượng từ bên ngoài (bên cạnh cơ chế kiểm toán, thanh tra,...), với quy trình bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài, thẩm định và công nhận chất lượng. Kiểm định chất lượng là một quy trình mà tổ chức KĐCLGD tiến hành đánh giá cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo để công nhận một cách chính thức cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt được những tiêu chuẩn hoặc tiêu chí tối thiểu đã đề ra (Nguyễn Hữu Cương, 2017). Nguyễn Đức Chính (2002) xác định KĐCLGD là một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được áp dụng trong GĐDH để đánh giá các cơ sở giáo dục cao đẳng và đại học và các ngành đào tạo đại học nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng. Nghiên cứu của Ibrahim (2014) cũng nhấn mạnh, KĐCLGD là quá trình mà tổ chức kiểm định đánh giá một cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo, nhằm chính thức công nhận nó đã đáp ứng và thỏa mãn hoặc vượt quá các yêu cầu đối với các tiêu chuẩn/tiêu chí của tổ chức đó. Bên cạnh đó, tầm quan trọng của hoạt động KĐCLGD đã được Quốc hội, Chính phủ, Bộ GD-ĐT quan tâm, bằng việc ban hành rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực này (Nguyễn Hữu Cương, 2017). Về bảo đảm và KĐCLGD, trong Chương VII của Luật GĐDH năm 2012 có 5 điều quy định chi tiết về: (1) Mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng KĐCLGD; (2) Trách nhiệm của cơ sở GĐDH trong việc bảo đảm chất lượng GĐDH; (3) Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở GĐDH về KĐCLGD; (4) Tổ chức KĐCLGD; (5) Sử dụng kết quả KĐCLGD (Quốc hội, 2012). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GĐDH cũng có quy định cụ thể về nội dung liên quan đến bảo đảm chất lượng giáo dục, đó là “quá trình liên tục, mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng GĐDH” (Điều 49), đặc biệt nhấn mạnh bảo đảm chất lượng bên trong của cơ sở GĐDH, trách nhiệm của cơ sở GĐDH trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục (Điều 50) (Quốc hội, 2018). KĐCLGD là hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành; và là yêu cầu bắt buộc đối với cơ sở GĐDH và các chương trình đào tạo của GĐDH.

- *Năng lực của KĐV GĐDH*: Dooley và cộng sự (2001) định nghĩa “năng lực” được xem là những khả năng cơ bản dựa trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm, các giá trị và thiên hướng của một con người được phát triển thông qua thực hành giáo dục. Theo Phạm Minh Hạc (1998), “năng lực” được hiểu là sự kết hợp phức tạp của các đặc điểm tâm lý riêng biệt của mỗi cá nhân, đáp ứng được các yêu cầu của một hoạt động cụ thể, từ đó đảm bảo hoạt động ấy đạt được kết quả tốt. Trong khi đó, Đặng Thành Hưng (2012) cho rằng, “năng lực” là đặc tính riêng của mỗi người, giúp họ thực hiện hiệu quả một hoạt động nhất định và đạt được kết quả như kì vọng trong những bối cảnh cụ thể. Có thể nói, có nhiều cách tiếp cận khác nhau của các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, khái niệm năng lực chung nhất về năng lực là những kiến thức, kĩ năng, thái độ và đặc điểm nhân cách mà một người cần phải có để đáp ứng các yêu cầu thực hiện một nhiệm vụ hay hoạt động nào đó.

Trong GDĐH, KĐV (accreditor) và đánh giá viên (assessor) đều có vai trò tương đồng, chỉ khác nhau do cách gọi tùy thuộc vào quốc gia hoặc tổ chức KĐCLGD. Ví dụ, AUN-QA gọi người đi đánh giá là “đánh giá viên”, còn Việt Nam gọi là “kiểm định viên”, nhưng cả hai đều thực hiện hoạt động đánh giá ngoài cho cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo. Ở một số cách tiếp cận khác như trong nghiên cứu của Raftari và Khoshnazar (2023), “đánh giá viên” thường tập trung vào việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên các tiêu chí cụ thể, trong khi “KĐV” hoạt động cho tổ chức KĐCLGD để đánh giá, cấp chứng nhận chất lượng tạo niềm tin của công chúng vào chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, dù tên gọi khác nhau, cả hai đều có vai trò là đối tượng tham gia vào quy trình KĐCLGD, là yếu tố quan trọng đảm bảo chất lượng GDĐH thông qua đánh giá khách quan và cải tiến liên tục.

Khái niệm “KĐV” được quy định rõ ràng trong Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT, là người bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, tham gia hoạt động KĐCLGD (Bộ GD-ĐT, 2022). KĐV là những cá nhân được cấp thẻ KĐV bởi cơ quan có thẩm quyền, đòi hỏi phải có đủ năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động KĐCLGD. Nhiệm vụ của KĐV tập trung vào việc đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn và tiêu chí do Bộ GD-ĐT ban hành, thực hiện các hoạt động đánh giá đảm bảo tính khách quan, minh bạch và hỗ trợ các cơ sở giáo dục không ngừng cải tiến chất lượng. Cách tiếp cận này phản ánh đặc thù của hệ thống giáo dục Việt Nam, nơi KĐV không chỉ là người thực hiện đánh giá chất lượng, mà họ còn đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn, khuyến nghị, thúc đẩy sự phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục.

Khái niệm về “KĐV” mang tính mở rộng và linh hoạt hơn, phản ánh sự đa dạng trong các hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục toàn cầu. KĐV được ENQA định nghĩa là những cá nhân hoặc thành viên thuộc một nhóm được đào tạo chuyên sâu, có khả năng áp dụng các tiêu chuẩn ESG để đánh giá chất lượng GDĐH, với yêu cầu về kiến thức hệ thống, kỹ năng phân tích và tính khách quan trong báo cáo (ENQA, 2015). Trong khi đó, INQAAHE (2021) nhấn mạnh thêm rằng KĐV cần có năng lực làm việc trong môi trường đa văn hóa, có đạo đức nghề nghiệp, góp phần cải tiến chất lượng giáo dục trên phạm vi quốc tế. Như vậy, có thể thấy, nếu theo cách tiếp cận trong nước, định nghĩa về KĐV nhấn mạnh vào việc KĐV cần trải qua kì thi sát hạch và được cấp thẻ, đáp ứng các tiêu chuẩn KĐV do Bộ GD-ĐT quy định, tuân thủ quy định pháp lí của Việt Nam, hoạt động đánh giá tập trung đánh giá theo tiêu chuẩn do Bộ GD-ĐT ban hành. Đối với quốc tế, KĐV có một định nghĩa rộng hơn, nhấn mạnh hơn các yếu tố liên quan đến kinh nghiệm, tính độc lập, kỹ năng và khả năng làm việc trong bối cảnh quốc tế, không nhất thiết gắn với một quy trình thi sát hạch từ cơ quan quản lí nhà nước.

Như vậy, có thể thấy, “năng lực của KĐV GDĐH” là sự tổng hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp được hình thành qua đào tạo, sát hạch và kinh nghiệm thực tiễn. KĐV phải am hiểu hệ thống tiêu chuẩn, có khả năng phân tích, đánh giá khách quan và đưa ra khuyến nghị cải tiến chất lượng, đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp nhằm thực hiện hiệu quả hoạt động kiểm định, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và góp phần nâng cao chất lượng GDĐH.

2.2. Một số yêu cầu về năng lực của kiểm định viên giáo dục đại học

Nghiên cứu về vai trò của KĐV (assessor/accreditor) trong quá trình đánh giá, Smith (2019) khẳng định, KĐV không chỉ là những người đánh giá về kiến thức mà còn là người cộng tác, tạo điều kiện cho sự chuyển đổi và người duy trì văn hóa học tập của tổ chức, đóng vai trò trung tâm trong việc đảm bảo chất lượng và hỗ trợ sự phát triển của người học. Theo tác giả, các kỹ năng và phẩm chất cần thiết của một KĐV bao gồm: (1) Khả năng quan sát và đánh giá khách quan; (2) Khả năng giao tiếp hiệu quả; (3) Tôn trọng và tránh ảnh hưởng từ thành kiến cá nhân trong quá trình đánh giá; (4) Hiểu biết nhất định về văn hóa của khu vực địa lí mà mình đánh giá; (5) Khả năng học thuật liên quan như tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để đưa ra đánh giá chính xác. Một nghiên cứu khác của Ishaq và cộng sự (2023) về năng lực của KĐV trong việc sử dụng công cụ SISPENA (Accreditation Assessment System - hệ thống đánh giá, công nhận chất lượng giáo dục) để đánh giá các đơn vị giáo dục không chính quy tại Indonesia cũng đề cập đến việc KĐV cần phải có những năng lực cụ thể để hoàn thành nhiệm vụ. Các tiêu chí bao gồm: (1) Đã vượt qua bài kiểm tra năng lực của tổ chức KĐCLGD; (2) Kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông; (3) Kỹ năng viết tuyên bố cá nhân; (4) Không vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, KĐV cũng cần phải hiểu rõ về đơn vị giáo dục cả về mặt thể chế lẫn thực tiễn và phải tham gia vào các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng năng lực.

Khung năng lực của AUN-QA (2014) yêu cầu KĐV đạt được năng lực đánh giá dựa trên chuẩn AUN-QA. Yêu cầu về năng lực của KĐV AUN-QA cũng được tiếp cận theo ba khía cạnh - kiến thức, kỹ năng và thái độ. Theo đó, KĐV yêu cầu phải có am hiểu sâu rộng về mô hình AUN-QA ở nhiều cấp độ: chương trình đào tạo, cơ sở giáo dục và hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, bên cạnh việc nắm chắc các khái niệm/chủ đề cốt lõi liên quan tới quản lí chất lượng giáo dục, kết quả học tập, phương pháp giảng dạy, đánh giá người học và xu hướng giáo dục mới. Về kỹ năng, KĐV được yêu cầu phải có kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo, làm việc với các bên liên quan và giải quyết

xung đột, thành thạo các kỹ thuật chuyên môn như: đánh giá hồ sơ minh chứng, viết báo cáo đánh giá, có khả năng hướng dẫn, đào tạo người khác và phải có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Theo đó, khi làm việc trong khu vực ASEAN, KĐV còn được yêu cầu phải có sự am hiểu nhất định về đặc điểm văn hóa khu vực Đông Nam Á, có kỹ năng làm việc và hòa nhập trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa. Đặc biệt, quy tắc đạo đức được AUN-QA rất đề cao - KĐV phải luôn hành xử chuyên nghiệp, trung thực, công bằng và có trách nhiệm với các bên liên quan và xã hội, không được để xảy ra xung đột lợi ích, không tiết lộ hay sử dụng thông tin mật làm ảnh hưởng kết quả đánh giá, không cung cấp thông tin sai lệch và không lợi dụng việc đánh giá cho mục đích cá nhân.

Khung năng lực của ENQA (2015) yêu cầu KĐV cần có kiến thức toàn diện về GDDH, hệ thống KĐCLGD ở cả cấp quốc gia và quốc tế. Khung này bao gồm các năng lực về kiến thức chuyên sâu về GDDH, kỹ năng đảm bảo chất lượng, các kỹ năng phân tích, quản lý dự án, giao tiếp, làm việc nhóm, cùng với sự tự chủ và khả năng thích ứng. Ngoài ra, khung năng lực cũng hướng dẫn phương pháp đánh giá năng lực như thông qua thực tiễn, nghiên cứu và các hoạt động liên quan, đồng thời khuyến khích phát triển chuyên môn liên tục qua cố vấn, học tập và hội thảo, nhấn mạnh sự hiểu biết về GDDH châu Âu và các tiêu chuẩn, hướng dẫn của khu vực này. Theo Khung năng lực chuyên gia đảm bảo chất lượng của ENQA, các yêu cầu về năng lực dành cho chuyên gia đảm bảo chất lượng được chia thành 03 nhóm năng lực chính: Kiến thức, Kỹ thuật/Hệ thống và Xã hội/Ứng xử. Tùy thuộc vào thâm niên và kinh nghiệm làm việc, yêu cầu sẽ có sự thay đổi về độ sâu và phạm vi trách nhiệm cụ thể cho từng đối tượng.

Ngoài các khung năng lực được xây dựng bởi các mạng lưới và tổ chức đảm bảo chất lượng, một số học giả đã cố gắng phát triển khung năng lực dành cho các KĐV hoặc chuyên gia đảm bảo chất lượng bên ngoài. Một trong những khung nổi tiếng nhất là Khung năng lực dành cho KĐV của các đoàn đánh giá ngoài trong KĐCLGD đại học (CFEQAP) do Cheung (2015) đề xuất, Chương trình đào tạo về đảm bảo chất lượng của INQAAHE (2021) và tổng hợp các tài liệu liên quan. Khung năng lực này bao gồm 58 năng lực cốt lõi được chia thành 06 nhóm (bảng 1).

Bảng 1. Khung năng lực dành cho KĐV GDDH (CFEQAP) (Cheung, 2015)

Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1. Kiến thức về GDDH (chính sách, quản lý và hành chính). 2. Kiến thức về đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng (các thuật ngữ, khái niệm, lý thuyết, giả định). 3. Kiến thức về các mô hình đảm bảo chất lượng (kiểm toán, kiểm định, đánh giá). 4. Kiến thức về đảm bảo chất lượng bên ngoài (vai trò và trách nhiệm, cấu trúc, quản lý và vận hành của một cơ quan đảm bảo chất lượng bên ngoài, mạng lưới các cơ quan đảm bảo chất lượng bên ngoài). 5. Kiến thức về đảm bảo chất lượng bên trong (chu trình chất lượng, duy trì chất lượng bên trong một cơ sở GDDH).	1. Kỹ năng tổ chức và lập kế hoạch (quản lý dự án). 2. Kỹ năng công nghệ thông tin và dữ liệu. 3. Kỹ năng giải quyết vấn đề. 4. Kỹ năng học tập liên tục (kỹ năng học tập suốt đời). 5. Kỹ năng giao tiếp (viết, nói, lắng nghe). 6. Kỹ năng viết báo cáo. 7. Kỹ năng giải quyết xung đột. 8. Kỹ năng xem xét tài liệu. 9. Kỹ năng lãnh đạo. 10. Kỹ năng quản lý. 11. Kỹ năng đàm phán. 12. Kỹ năng làm việc nhóm.	1. Tính chuyên nghiệp. 2. Đạo đức. 3. Trách nhiệm. 4. Trung thực. 5. Tự chủ. 6. Trách nhiệm giải trình. 7. Tính minh bạch. 8. Cam kết.

Theo Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT quy định về KĐV GDDH và cao đẳng sư phạm, tiêu chuẩn cho đội ngũ KĐV GDDH được thể hiện ở các khía cạnh sau: (1) Phẩm chất đạo đức; (2) Thái độ làm việc; (3) Kiến thức về hệ thống đảm bảo và KĐCLGD; (4) Có kinh nghiệm 05 năm trở lên trong lĩnh vực quản lý GDDH, cao đẳng sư phạm; (5) Có thể KĐV còn hiệu lực. Ngoài trừ những tiêu chuẩn điều kiện như số năm kinh nghiệm và thể KĐV còn hiệu lực thì những tiêu chuẩn khác hiện vẫn mang tính chất khái quát cao, thiếu cụ thể và chưa được lượng hóa một cách rõ ràng (Bộ GD-ĐT, 2022). Quy định vẫn chưa chỉ rõ các tiêu chí về kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực tiễn KĐV phải đạt được, thiếu tiêu chuẩn về kỹ năng ứng dụng công nghệ số. Hiện nay, quá trình lựa chọn KĐV chưa thực sự dựa trên năng lực có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình KĐCLGD.

2.3. Các yêu cầu năng lực đặc trưng đối với kiểm định viên trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay

Dựa trên những yêu cầu về năng lực của KĐV GDDH, năng lực cốt lõi của KĐV GDDH được tóm tắt như sau:

Bảng 2. Bảng tóm tắt một số năng lực của KĐV GDDH theo các tài liệu nghiên cứu

Smith (2019)	Ishaq và cộng sự (2023)	CIEA (2014)	AUN-QA	ENQA	Cheung (2015)	Bộ GD-ĐT (2022)
1. Khả năng quan sát và đánh giá; 2. Khả năng giao tiếp;	1. Đã vượt qua bài kiểm tra năng lực của tổ chức KĐCLGD;	1. Khả năng cải thiện các phương pháp đánh giá;	1. Kiến thức; 2. Kỹ năng;	1. Kiến thức;	1. Kiến thức (5 nội dung);	1. Phẩm chất đạo đức; 2. Thái độ làm việc;

3. Tôn trọng và khách quan trong quá trình đánh giá; 4. Hiểu biết về văn hóa của đối tượng đánh giá theo khu vực địa lý; 5. Khả năng tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.	2. Kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông; 3. Kỹ năng viết báo cáo cá nhân; 4. Không vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp.	2. Đảm bảo sự phù hợp giữa chương trình đào tạo và kết quả đầu ra; 3. Xác định mục tiêu và thiết lập tiêu chuẩn đánh giá; 4. Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn.	3. Phẩm chất/Thái độ.	2. Kỹ thuật/hệ thống; 3. Xã hội/ứng xử.	2. Kỹ năng (12 nội dung); 3. Thái độ (8 nội dung).	3. Kiến thức, kỹ năng về hệ thống đảm bảo và KĐCLGD; 4. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục; 5. Có thể KĐV còn hiệu lực.
---	---	--	-----------------------	--	---	--

Các yêu cầu về năng lực của KĐV trong KĐCLGD đại học được tổng hợp từ nhiều nguồn cho thấy sự tương đồng ở một số năng lực cốt lõi. Trước hết, KĐV cần có kiến thức chuyên môn về hệ thống GDĐH, bao gồm hiểu biết về chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn kiểm định và bối cảnh văn hóa của đối tượng được đánh giá. Ngoài ra, các KĐV còn cần nắm vững các tiêu chuẩn của các tổ chức KĐCLGD quốc tế (AUN-QA, ENQA hay INQAAHE), đồng thời có kinh nghiệm thực tiễn trong một khoảng thời gian nhất định trong giảng dạy hoặc quản lý GDĐH. Việc tham gia các chương trình bồi dưỡng năng lực và đạt chứng nhận từ các tổ chức kiểm định cũng là yêu cầu quan trọng để đảm bảo KĐV đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ.

Về kỹ năng, KĐV cần sở hữu nhiều năng lực thiết yếu để thực hiện đánh giá hiệu quả. Các kỹ năng bao gồm khả năng quan sát và đánh giá khách quan; phân tích thông tin từ nhiều nguồn; đưa ra nhận xét, khuyến nghị chính xác. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, quản lý nhóm, phỏng vấn các bên liên quan và sử dụng công nghệ thông tin (như hệ thống SISPENA) cũng là yếu tố bắt buộc. Đặc biệt, KĐV cần thành thạo trong quản lý dữ liệu, tổ chức quy trình đánh giá và làm việc trong điều kiện áp lực, đồng thời hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn và cải thiện chất lượng đánh giá. Khả năng sử dụng tiếng Anh cũng được nhấn mạnh, đặc biệt trong khung năng lực của KĐV của AUN-QA.

Phẩm chất đạo đức và thái độ chuyên nghiệp là yếu tố không thể thiếu đối với KĐV. KĐV cần thể hiện sự trung thực, khách quan, công tâm, tránh thành kiến cá nhân và tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Tính chuyên nghiệp, linh hoạt và khả năng tự chủ trong việc đưa ra đánh giá cũng được các khung năng lực quốc tế như ENQA và INQAAHE nhấn mạnh.

2.4. Bàn luận và khuyến nghị

Dựa trên những điểm chung về yêu cầu năng lực của KĐV, nghiên cứu đề xuất một bộ Khung tiêu chí đánh giá năng lực KĐV được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các yêu cầu về năng lực của KĐV GDĐH gồm 03 tiêu chuẩn chính và 20 tiêu chí cụ thể như sau:

Bảng 3. Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của KĐV GDĐH (Nguồn: Tác giả)

Tiêu chuẩn	Mã hóa	Tiêu chí	Mô tả tiêu chí
Tiêu chuẩn 1: Kiến thức	KT1.1	1.1	Kiến thức về chủ trương, chính sách và pháp luật trong GDĐH Việt Nam
	KT1.2	1.2	Kiến thức về tổng quan mô hình, hệ thống đảm bảo và KĐCLGD đại học
	KT1.3	1.3	Kiến thức về đảm bảo chất lượng bên trong cơ sở GDĐH
	KT1.4	1.4	Kiến thức về đảm bảo chất lượng bên ngoài cơ sở GDĐH
	KT1.5	1.5	Kiến thức về quản trị GDĐH; xây dựng phát triển chương trình đào tạo
	KT1.6	1.6	Kiến thức về đảm bảo và KĐCLGD đại học quốc tế; xếp hạng, đối sánh trong GDĐH
	KT1.7	1.7	Kiến thức về các đặc điểm văn hóa, lịch sử, địa lý của đối tượng đánh giá
Tiêu chuẩn 2: Kỹ năng	KN2.1	2.1	Kỹ năng phân tích tài liệu (tra cứu, đọc, tổng hợp) và dữ liệu (định tính, định lượng)
	KN2.2	2.2	Kỹ năng viết báo cáo và đưa ra nhận xét, đánh giá và khuyến nghị phù hợp
	KN2.3	2.3	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán
	KN2.4	2.4	Kỹ năng quan sát và đánh giá dựa trên quan sát
	KN2.5	2.5	Kỹ năng làm việc nhóm
	KN2.6	2.6	Kỹ năng giải quyết vấn đề và xung đột
	KN2.7	2.7	Kỹ năng ứng dụng công nghệ số và sử dụng trí tuệ nhân tạo
	KN2.8	2.8	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc
Tiêu chuẩn 3: Thái độ	TD3.1	3.1	Phẩm chất đạo đức tốt, đảm bảo quy tắc đạo đức nghề nghiệp về KĐCLGD
	TD3.2	3.2	Trung thực, khách quan, đảm bảo tính minh bạch và công tâm
	TD3.3	3.3	Phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp
	TD3.4	3.4	Thái độ hợp tác, tinh thần chia sẻ, hỗ trợ

Khung năng lực của KĐV GDĐH trên đã phân loại năng lực của KĐV theo ba nhóm chính về Kiến thức, Kỹ năng và Thái độ. Khung năng lực này đã tổng hợp các yêu cầu năng lực cần có của KĐV theo kinh nghiệm của các

tổ chức quốc tế; đã phân tích, so sánh với các quy định và thực tiễn triển khai KĐCLGD, từ đó bổ sung các yếu tố mới về năng lực của KĐV, đặc biệt là ứng dụng công nghệ số, đánh giá dựa trên dữ liệu và khả năng tư vấn cải tiến chất lượng GDĐH. Nhóm Kỹ năng đã cụ thể hóa các năng lực thực hành, tập trung vào việc ứng dụng công nghệ, bao gồm việc tích hợp trí tuệ nhân tạo. Sử dụng khung năng lực này có thể xây dựng các tiêu chí đánh giá, quản lý KĐV. Các nghiên cứu tiếp theo có thể dựa trên Khung năng lực đề xuất để triển khai các khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực của đội ngũ KĐV; xây dựng và chuẩn hóa các công cụ đánh giá năng lực của KĐV; đề xuất xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực của KĐV theo các tiêu chuẩn quốc tế; kiến nghị điều chỉnh các quy định và chính sách phù hợp trong đánh giá, tuyển chọn, bồi dưỡng và sử dụng KĐV trong GDĐH ở Việt Nam.

3. Kết luận

Bài báo đã xác định các yêu cầu năng lực cốt lõi của KĐV GDĐH, dựa trên phân tích các khung năng lực đối với KĐV của các tổ chức bảo đảm và KĐCLGD quốc tế và quy định tại Việt Nam. Các năng lực chính (ngoài những yêu cầu tối thiểu theo quy định) bao gồm: (1) Kiến thức chuyên môn sâu rộng về hệ thống GDĐH, chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn kiểm định và hiểu biết về bối cảnh văn hóa; (2) Kỹ năng đánh giá khách quan, giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý, sử dụng công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu; (3) Phẩm chất đạo đức và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Các tổ chức KĐCLGD dựa trên khung năng lực của KĐV, có thể xây dựng các tiêu chí để tuyển chọn, sử dụng, bồi dưỡng, đánh giá KĐV để triển khai các hoạt động KĐCLGD hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống KĐCLGD. Ngoài ra, nghiên cứu cũng khẳng định năng lực của KĐV đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo chất lượng và thúc đẩy sự phát triển của hệ thống KĐCLGD đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- AUN-QA (2014). *Guidelines for AUN Quality Assessment and Assessors Version 2.0*. AUN Publications.
- Bộ GD-ĐT (2013). *Thông tư số 18/2013/TT-BGDĐT ngày 14/5/2013 ban hành chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp*.
- Bộ GD-ĐT (2022). *Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT ngày 10/10/2022 quy định về Kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm*.
- Cheung, J. C. M. (2015). Professionalism, profession and quality assurance practitioners in external quality assurance agencies in higher education. *Quality in Higher Education*, 21(2), 151-170. <https://doi.org/10.1080/13538322.2015.1051795>
- Đặng Thành Hưng (2012). Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 43, 18-26.
- Dooley, L. M., Paprock, K. E., Sun, I., & Gonzalez, E. G. Y. (2001). Differences in priority for competencies trained between US and Mexican trainers. In *Academy of Human Resource Development 2001 Conference Proceedings*. Baton Rouge, LA: Academy of Human Resource Development.
- ENQA (2015). *Standards and Guidelines for Quality Assurance in the European Higher Education Area*. European Association for Quality Assurance in Higher Education, Helsinki.
- Ibrahim, H. A. H. (2014). Quality assurance and accreditation in education. *Open Journal of Education*, 2(2), 106-110.
- INQAAHE (2021). *Guidelines of Good Practices in Quality Assurance*. Commission for Academic Accreditation, Abu Dhabi, United Arab Emirates.
- Ishaq, M., Widiyanto, E., Sari, R. P., Dewi, C., & Bendriyanti, R. P. (2021). Online Accreditation Assessment with SISPENA: Survey on PKBM Assessors in East Java. In *International Conference on Information Technology and Education* (pp. 252-260). Atlantis Press.
- Manarbek, G., Kondybaeva, S., & Celetti, D. (2018). The role of international accreditation in quality assurance of higher education. *The Journal of Economic Research & Business Administration*, 123, 47-58.
- Nguyễn Đức Chính (2002). *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Hữu Cương (2017). Một số kết quả đạt được của kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam và kế hoạch triển khai trong tương lai. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 9(8), 7-14.
- Phạm Minh Hạc (1988). *Tâm lý học* (Tập 1). NXB Giáo dục.
- Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. Luật số 08/2012/QH13, ban hành ngày 18/6/2012.
- Quốc hội (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*. Luật số 34/2018/QH14, ban hành ngày 19/11/2018.
- Raftari, S., & Khoshnazar, S. M. (2023). The Roles Accreditation and Quality Assurance Play in Higher Education Institutions. *Clinical Cancer Investigation Journal*, 2278-0513.
- Smith, L. (2019). *The role of the Assessor in the assessment process*. Otago Polytechnic.
- Tight, M. (2013). Students: Customers, clients or pawns?. *Higher Education Research & Development*, 32(3), 312-326.